

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 44 /UBND-TH

Bắc Giang, ngày 07 tháng 4 năm 2017

V/v điều chỉnh dự kiến kế hoạch vốn hỗ trợ
theo mục tiêu NSTW giai đoạn 2016-2020
(lần 4 - phương án 1) tỉnh Bắc Giang.

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH BẮC GIANG

Kính gửi:

ĐẾN Số: 3.06.6.....
Ngày: 10/4/2017.....

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính.

Chuyên:..... Căn cứ Công văn số 1186/BKHĐT-TH ngày 17/02/2017, Công điện số 2247/CD-BKHĐT ngày 24/3/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh Bắc Giang tiếp tục rà soát và dự kiến lại phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn NSNN giai đoạn 2016-2020 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính (Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 30/3/2017) gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

Tuy nhiên, sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh Bắc Giang điều chỉnh dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2016-2020 lần 4 của tỉnh như sau:

1. Về điều chỉnh tăng giảm số vốn

Trong dự kiến vốn đầu tư các chương trình mục tiêu của tỉnh - phương án 1 phải thực hiện thu hồi 61,066 tỷ đồng (thu đủ 100%) vốn ứng trước của Dự án Xây dựng cầu Đông Xuyên và đường dẫn lên cầu, do vậy tỉnh điều chỉnh cụ thể là:

- Điều chỉnh giảm số vốn 30 tỷ đồng của 06 dự án, gồm:

(1) Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 295 (đoạn Vôi -Bến Tuần và đoạn Ngọc Châu - TT Thắng), tỉnh Bắc Giang từ 250 tỷ đồng, xuống còn 245 tỷ đồng;

(2) Cải tạo, nâng cấp tuyến đường liên xã từ Cầu Liền Phúc Hòa - thị trấn Cao Thượng đi Cao Xá - Lam Cốt đến Hoàng Thanh (huyện Hiệp Hòa), tỉnh Bắc Giang từ 85 tỷ đồng, xuống còn 80 tỷ đồng;

(3) Đường vào trung tâm xã Bồng Am, huyện Sơn Động từ 70 tỷ đồng, xuống còn 65 tỷ đồng;

(4) Dự án cấp điện nông thôn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2013-2020 từ 70 tỷ đồng, xuống còn là 65 tỷ đồng;

(5) Trạm xử lý nước thải, hệ thống đường giao thông nội bộ khu phía Bắc KCN Song Khê -Nội Hoàng từ 85,020 tỷ đồng xuống còn 80,020 tỷ đồng;

(6) Xây dựng Khoa dân tộc nội trú Trường Cao đẳng nghề Công nghệ Việt - Hàn Bắc Giang từ 50 tỷ đồng, xuống còn 45 tỷ đồng.


- Điều chỉnh tăng 30 tỷ đồng để thực hiện thu hồi đủ số vốn ứng trước của Dự án Xây dựng cầu Đông Xuyên và đường dẫn lên cầu từ 31,066 tỷ đồng, điều chỉnh tăng lên 61,066 tỷ đồng (thu hồi đủ 100% số vốn đã ứng trước).


(Chi tiết dự kiến kế hoạch vốn trung hạn nguồn vốn hỗ trợ các Chương trình mục tiêu giai đoạn 2016-2020 - theo phương án 1 điều chỉnh lại theo biểu số 1.b - Phương án 1 kèm theo).

2. Đối với các dự án Hạ tầng khu du lịch sinh thái Suối Mỡ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang; Đường và hạ tầng vào khu Thiên viện Trúc Lâm Phượng Hoàng và Chùa Kem, xã Nham Sơn, huyện Yên Dũng; Nâng cấp trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Bắc Giang, UBND tỉnh Bắc Giang cam kết bố trí vốn ngân sách địa phương và nguồn vốn huy động hợp pháp khác để đảm bảo đạt 90% và hoàn thành các dự án theo tổng mức đầu tư đã được phê duyệt.

Các nội dung khác giữ nguyên như dự kiến tại Kế hoạch số 40/KH-UBND, ngày 30/3/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang.

Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang kính mong nhận được sự quan tâm, giúp đỡ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

Trân trọng cảm ơn! 

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Lưu VT, TH.
- * Bản điện tử:
- VP UBND tỉnh:
 - + LĐVP;
 - + TKCT; GT-XD; KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH




Nguyễn Văn Linh



ĐỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2016-2020
(Kèm theo Công văn số 44 UBND-TH ngày 07/4/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang)

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	VB thẩm định vốn, QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	QĐ dự án ban đầu hoặc QĐ dự án điều chỉnh đã được giao kế hoạch		Quyết định dự án điều chỉnh			Dự kiến kế hoạch 5 năm 2016-2020				Ghi chú	
						Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó		
														Thu hồi các khoản ứng trước NSTW		Thanh toán nợ XDCB
TỔNG SỐ							6.405.812	3.806.101		2.482.239	832.622	2.686.140	1.681.741	159.046	18.776	
1	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CÁC VÙNG						3.430.509	1.909.018		966.852	125.000	835.266	796.066	126.066	18.000	
1	Các dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020						1.898.024	695.286		966.852	125.000	184.000	165.000	45.000	18.000	
1.1	Xây dựng đường giao thông vào trung tâm các xã nghèo miền núi (Kiến Lao, Kiến Thành, Thanh Hải, Biên Sơn, và Đèo Gia) huyện Lục Ngạn	Huyện Lục Ngạn	Dài 50,6 km, đường cấp V, cấp VI miền núi và GTNT loại A	2011-2014	Dự án đầu tư trước khi có Chỉ thị 1792/CT-TTg	756/QĐ-UBND, 17/6/2011	454.762	409.286				35.000	35.000			Hoàn thành dự án đến điểm dừng kỹ thuật hợp lý
1.2	Cải tạo, nâng cấp đường vào trung tâm xã Trường Giang (đoạn ngã ba Hồ Nước đi ngã ba Trại Ma), huyện Lục Nam	Huyện Lục Nam	Cấp VI miền núi	2013-2016	7857/BKHĐT-KTĐP<, 28/10/2014	1752/QĐ-UBND, 31/10/2014	55.483	25.000	1752/QĐ-UBND, 31/10/2014	55.483	25.000	29.000	10.000			
1.3	Đường ô tô đến trung tâm xã miền núi Cẩm Đan, Chiên Sơn, Quê Sơn, Văn Sơn và Hữu Sản thuộc vùng ĐBKK huyện Sơn Đông)	Huyện Sơn Đông	Cấp VI miền núi	2011-2017	11027/BKHĐT-KTĐP<, 15/12/2015	1433/QĐ-UBND, 11/10/2011; 2271/QĐ-UBND, 18/12/2015	384.466	90.000	2271/QĐ-UBND, 18/12/2015	384.466	50.000	50.000	50.000	15.000		Thu hồi ứng trước và hoàn thành dự án đến điểm dừng kỹ thuật hợp lý
1.4	Kè chống sạt lở kết hợp đê ngăn lũ, đường cứu hộ, cứu nạn 4 xã vùng sông Thương, sông Sỏi huyện Yên Thế	Huyện Yên Thế	4 tuyến đường cấp VI miền núi; 11 tuyến đường GTNT	2011-2017	434/BKHĐT-KTĐP<, 19/01/2016	2220/QĐ-UBND, 21/12/2010; 1977/QĐ-UBND, 27/12/2013	526.902	108.000	888/QĐ-UBND, 14/6/2016	526.903	50.000	50.000	50.000	30.000	18.000	Thu hồi ứng trước và hoàn thành dự án đến điểm dừng kỹ thuật hợp lý
1.5	Dự án Kè chống sạt lở kết hợp đường cứu hộ, cứu nạn sông Lục Nam, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	Huyện Lục Ngạn	Chiều dài 9,317 km; đường nổi dài 2,624 km	2011-2017	2301/BC-BKHĐT, 30/3/2016	2219/QĐ-UBND ngày 31/12/2010	476.411	63.000				20.000	20.000			Hoàn thành dự án đến điểm dừng kỹ thuật hợp lý
2	Các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020						646.403	608.791	0	0	0	470.000	470.000	0	0	
2.1	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 295 (đoạn Vôi - Bến Tuấn và đoạn Ngọc Châu - TT Thắng), tỉnh Bắc Giang	Huyện Lạng Giang, Tân Yên, Hiệp Hòa	21,77 km; cấp III	2016-2020	9426/BKHĐT-KTĐP<, 30/10/2015; 561/QĐ-UBND, 30/10/2015	1988/QĐ-UBND, 30/10/2015	285.000	285.000				245.000	245.000			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Công suất thiết kế	Thời gian KC-HT	VB thẩm định vốn, QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	QĐ dự án ban đầu hoặc QĐ dự án điều chỉnh đã được giao kế hoạch		Quyết định dự án điều chỉnh			Dự kiến kế hoạch 5 năm 2016-2020				Ghi chú		
						Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW		Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước NSTW		Thanh toán nợ XDCB	
2.2	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường liên xã từ Cầu Liêng Phúc Hòa - thị trấn Cao Thương đi Cao Xá - Lam Cốt đến Hoàng Thanh (huyện Hiệp Hòa), tỉnh Bắc Giang	Huyện Tân Yên	10,3km đường cấp V đồng bằng; 4,1 km đường GTNT loại A	2016-2020	9425/BKHĐT-KTĐP<, 30/10/2015; 571/QĐ-UBND, 30/10/2015	463/QĐ-UBND, 30/3/2016						80.000	80.000				
2.3	Cải tạo, nâng cấp đường PT-05, huyện Yên Dũng (giai đoạn II)	Huyện Yên Dũng, Việt Yên	7,6km, cấp V	2018-2022	9424/BKHĐT-KTĐP<, 30/10/2015; 197/QĐ-UBND, 08/4/2016							20.000	20.000				
2.4	Đường vào trung tâm xã Bông Am, huyện Sơn Đông	Huyện Sơn Đông	18,8 km, GTNT loại A	2016-2020	9423/BKHĐT-KTĐP<, 30/10/2015; 568/QĐ-UBND, 30/10/2015	357/QĐ-UBND, 18/3/2016						65.000	65.000				
2.5	Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Bắc Giang	TP Bắc Giang	Xây dựng mới	2016-2020	9098/BKHĐT-KTĐP<, 29/10/2015; 569/QĐ-UBND, 30/10/2015	324/QĐ-UBND, 15/3/2016						40.000	40.000				
2.6	Cải tạo, nâng cấp đường vào trung tâm xã Kim Sơn và Phú Nhuận, huyện Lục Ngạn	Huyện Lục Ngạn	Cải tạo, nâng cấp	2018-2022	9624/BKHĐT-KTĐP, 30/10/2015; 573/QĐ-UBND, 30/10/2015							20.000	20.000				
3	Hỗ trợ các dự án cấp bách																
							886.082	604.941	0	0	0	181.266	161.066	81.066	0		
3.1	Xây dựng cầu Đồng Xuyên và đường dẫn lên cầu	H. Hiệp Hòa	Dài 16,6 km (gồm 1 cầu), đường cấp III đồng bằng	2011-2015	8150/BKHĐT-KTĐP<, ngày 21/10/2013	748/QĐ-UBND, 14/6/2012						61.066	61.066	61.066			
3.2	Đầu tư hỗ trợ đời sống, sản xuất cho hộ tái định cư và công đồng dân sơ tại của một số xã có tiếp nhận dân tái định cư thuộc dự án di dân tái định cư Trường bản quốc gia khu vực I	30 xã thuộc 3 huyện SDông, LNgạn, LNam	365 hộ tái định cư; công trình hạ tầng GT, TL, giáo dục	2014-2017	2157/BKHĐT-KTĐP ngày 11/4/2014	34/QĐ-UBND, 10/01/2014; 585/QĐ-UBND 14/5/2014; 1511/QĐ-UBND, 02/10/2014						100.000	80.000	20.000	Ứng trước NSTW năm 2015 là 20,0 tỷ đồng; tạm dùng vốn dự án 48 hộ thôn Dèo Chũ là 41,8 tỷ đồng		
3.3	Đường cứu hộ cứu nạn các xã vùng lũ thuộc khu vực sông Thương, sông Cầu huyện Yên Dũng	Huyện Yên Dũng	6 tuyến đường; chiều dài 18,14 km	2017-2020	3896/BC-BKHĐT, 23/5/2016; 266/HĐND-THTT, 27/6/2016							20.200	20.000				
II	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU HỖ TRỢ VỐN ĐỐI ƯNG ODA CHO CÁC ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ																
							887.442	133.266				887.442	124.200	884.942	124.200	0	0



STT		Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	VB thẩm định vốn, QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	QĐ dự án ban đầu hoặc QĐ dự án điều chỉnh đã được giao kế hoạch		Quyết định dự án điều chỉnh			Dự kiến kế hoạch 5 năm 2016-2020				Ghi chú			
						Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó				
														Thu hồi các khoản ứng trước NSTW			Thanh toán nợ XDCB	
1	Dự án Phát triển các đô thị dọc hành lang tiêu vùng sông Mê Kông (GMS) lần 2, vay vốn ADB - Dự án thành phần tỉnh Bắc Giang	TP Bắc Giang	Ha tầng giao thông; thoát nước và VSMT	2016-2020	1737/BKHĐT-KTĐP<, 16/3/2016	1709/QĐ-UBND, 16/9/2015	887.442	133.266	476/QĐ-UBND, 31/03/2016	887.442	124.200	884.942	124.200					
III	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ THỦY SẢN BỀN VỮNG						160.094	154.425		124.575	124.425	26.070	26.070	0	0			
1	<i>Dự án chuyển tiếp Hoàn thành bàn giao đư và sử dụng trước 31/12/2015</i>						35.519	30.000		0	0	1.580	1.580	0	0			
1.1	Xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung xã Xuân Phú huyện Yên Dũng	Huyện Yên Dũng	49,7 ha	2013-2015		1570/QĐ-UBND, 30/10/2012	35.519	30.000				1.580	1.580					
2	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020</i>						124.575	124.425		124.575	124.425	24.490	24.490	0	0			
2.1	Xây dựng hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung xã Lan Mẫu huyện Lục Nam	Huyện Lục Nam	55 ha. HTKT cấp IV (điện, hệ thống tiêu thoát nước)	2016-2020	9532/BKHĐT-KTNN, 30/10/2015; 567/QĐ-UBND, 30/10/2015	1992/QĐ-UBND, 30/10/2015	64.000	64.000	477/QĐ-UBND, 31/3/2016	64.000	64.000	22.200	22.200			Đề nghị chỉnh tăng vốn năm 2016 là 3,2 tỷ đồng		
2.2	Xây dựng hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung xã Tiên Dũng và xã Đồng Phúc, huyện Yên Dũng	Huyện Yên Dũng	34 ha: HTKT cấp IV (điện, hệ thống tiêu thoát nước)	2016-2020	2206/BKHĐT-KTNN, 29/3/2016; 181/QĐ-UBND, 31/3/2016	1993/QĐ-UBND, 30/10/2015	60.575	60.425	472/QĐ-UBND, 31/3/2016	60.575	60.425	2.290	2.290			Đề nghị điều chỉnh giảm vốn năm 2016 là 3,2 tỷ đồng		
IV	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP BỀN VỮNG						227.718	211.493		202.722	188.997	87.250	82.250	0	0			
1	<i>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020</i>						24.996	22.496		0	0	3.000	3.000	0	0			
1.1	Dự án đường lâm nghiệp tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2011-2015	Huyện Lục Nam, Lục Ngạn, Sơn Đông	Dài 54 km, đường lâm nghiệp cấp IV	2015-2017		1584/QĐ-UBND, 14/10/2013	24.996	22.496				3.000	3.000					
2	<i>Các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020</i>						202.722	188.997		202.722	188.997	84.250	79.250	0	0			
2.1	Dự án bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Bắc Giang	Tỉnh Bắc Giang		2016-2020	9570/BKHĐT-KTNN, 30/10/2015; 572/QĐ-UBND, 30/10/2015	1987/QĐ-UBND, 30/10/2015	92.622	78.997	1987/QĐ-UBND, 30/10/2016	92.622	78.997	35.250	30.250					
2.2	Nâng cao năng lực phòng cháy chữa cháy rừng và xây dựng đường lâm nghiệp tỉnh Bắc Giang	Tỉnh Bắc Giang		2016-2020	9570/BKHĐT-KTNN, 30/10/2015; 564/QĐ-UBND, 30/10/2015	555/QĐ-UBND, 30/10/2015	110.100	110.000	456/QĐ-UBND, 30/3/2016	110.100	110.000	49.000	49.000					
V	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU TẠI CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÒNG CHỐNG GIẢM NHỆ THIÊN TẠI ÒN ĐỊNH ĐỜI SỐNG DÂN CƯ						471.728	343.844		103.029	103.000	173.230	173.230	21.000	0			
1	<i>Các dự án về giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và thủy sản</i>						77.182	69.464	0	0	0	13.430	13.430	0	0			

STT	Dan h mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-IFT	VB thẩm định vốn, QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	QĐ dự án ban đầu hoặc QĐ dự án điều chỉnh đã được giao kế hoạch		Quyết định dự án điều chỉnh			Dự kiến kế hoạch 5 năm 2016-2020				Ghi chú		
						Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó			
														Thu hồi các khoản ứng trước NSTW		Thanh toán nợ XDCB	
1	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020						77.182	69.464		0	9	13.430	13.430	0	0		
1.1	Nâng cấp Trung tâm Giống cây ăn quả, cây lâm nghiệp (giai đoạn 2)	H Lang Giang	CSHT diện tích 6,6 ha	2013-2015		1571/QĐ-UBND, ngày 30/10/2012	38.280	34.452				11.500	11.500				
1.2	Trung tâm Giống thủy sản cấp 1 (giai đoạn 2)	Huyện Lang Giang		2012-2014		334/QĐ-UNMD, 21/3/2011; 1548/QĐ-UBND, 26/10/2012	38.902	35.012				1.930	1.930				
*	Các dự án bỏ trí sắp xếp dân cư nơi cần thiết						60.306	48.000	0	0	0	45.000	45.000	16.000	0		
1	Các dự án hoàn thành giai đoạn 2011-2015								0	0	0	16.900	16.900	16.000	0		
1.1	Dự án sắp xếp bố trí dân cư vùng sạt lở xã Thăng Cương huyện Yên Dũng	Huyện Yên Dũng		2009-2010								10.000	10.000	10.000			
1.2	Dự án di dời khẩn cấp lòng hồ Cẩm Sơn, thôn Na Hoi xã Hồ Đạo huyện Lục Ngạn	Huyện Lục Ngạn		2011-2015								6.000	6.000	6.000			
2	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020						60.306	48.000	0	0	0	30.000	30.000	0	0		
2.1	Dự án sắp xếp và ổn định dân cư vùng sạt lở xã Thăng Cương, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (giai đoạn 2)	Huyện Yên Dũng	Di chuyển ổn định 216 hộ, HTKT cấp III	2016-2020	9606/BKHĐT-KTNN, 30/10/2015; 570/QĐ-UBND, 30/10/2015	1994/QĐ-UBND, 30/10/2015	60.306	48.000				30.000	30.000				
*	Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (NĐ 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013)						0	109.809	17.280	0	18.000	18.000	12.000	12.000	0	0	
1	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2011-2015						0	68.196	14.280	0	15.000	15.000	9.000	9.000	0	0	
1.1	Nhà máy sản xuất van phủ Film dùng trong xây dựng và công nghiệp của Công ty TNHH MTV TL Trung Việt	KCN Đình Trám	20.000 m3/năm	2015-2016	2746/BKHĐT-KTNN 11/5/2015	20221000205 ngày 06/11/2014	30.000	5.280	1226/QĐ-UBND 30/6/2015	5.000	5.000	2.000	2.000				
1.2	Nhà máy chế biến gỗ xuất khẩu của Công ty cổ phần xây dựng 179	huyện Lạng Giang	93.000m2/năm	2014-2015	2746/BKHĐT-KTNN 11/5/2015	20121000503 ngày 14/5/2014	18.196	4.000	1176/QĐ-UBND 26/6/2015	5.000	5.000	2.000	2.000				
1.3	Nhà máy chế biến rau quả xuất khẩu Bắc Giang của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu VIFOCO	huyện Yên Dũng	4.900 tấn/năm	2010-2011	3026/BKHĐT-KTNN 25/4/2016	20121000319 ngày 26/8/2009	20.000	5.000	840/QĐ-UBND 16/6/2016	5.000	5.000	5.000	5.000				
2	Dự án đề nghị hỗ trợ mới giai đoạn 2016-2020						0	41.613	3.000	0	3.000	3.000	3.000	3.000	0	0	



STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-IT	VB thẩm định vốn, QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	QĐ dự án ban đầu hoặc QĐ dự án điều chỉnh đã được giao kế hoạch		Quyết định dự án điều chỉnh			Dự kiến kế hoạch 5 năm 2016-2020				Ghi chú		
						Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước NSTW		Thanh toán nợ XDCB	
2.1	Dự án đầu tư xây dựng mô hình... xây dựng trang trại hữu cơ Hiệp Hòa của Công ty TNHH Kim Tân Minh	huyện Hiệp Hòa	Lợn thịt: 1.000 con/năm	2015-2016	342/BKHĐT-KTNN 18/01/2016	2012/1000/591 ngày 13/01/2015	41.613	3.000	436/QĐ-UBND 29/4/2016	3.000	3.000	3.000	3.000				
*	Các dự án củng cố, nâng cấp hệ thống đê sông							224.431	209.100		85.029	85.000	101.800	101.800	5.000	0	
1	Các dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020							139.402	124.100		0	0	61.800	61.800	5.000	0	
1.1	Dự án kè chống sạt lở, tu bổ đê Tà Cầu Ba Tổng, đoạn km14+800-km15+200 bảo vệ khu dân cư và các công trình công cộng xã Tư Mai, huyện Yên Dũng	Huyện Yên Dũng	1,4 km	2013-2015		1565/QĐ-UBND, 30/10/2012	49.000	44.100				9.800	9.800	5.000			
1.2	Nâng cấp đê Tà Cầu Ba Tổng K0-K13+500 và đê Hữu Thương Ba Tổng K0-K14+100 tỉnh Bắc Giang	Huyện Yên Dũng	27,6 km	2015-2018		1734/QĐ-UBND, 30/10/2014	90.402	80.000				52.000	52.000				
2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020							85.029	85.000	0	85.029	85.000	40.000	40.000	0	0	
2.1	Dự án nâng cấp tuyến đê ta Lục Nam đoạn giao với Quốc lộ 37- Núi Xê và tuyến đê Vũ Xá, xã Đan Hội, huyện Lục Nam	Huyện Lục Nam	15,43 km; công trình đê điều kết hợp GT cấp IV	2016-2020	9531/BKHĐT-KTNN, 30/10/2015; 566/QĐ-UBND, 30/10/2015	1995/QĐ-UBND, 30/10/2015	85.029	85.000	470/QĐ-UBND, 31/3/2016	85.029	85.000	40.000	40.000				
VI	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU CẤP ĐIỆN NÔNG THÔN MIỀN NÚI VÀ HẢI ĐẢO							263.469	224.102		0	0	75.000	65.000	10.000	0	
1	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020							263.469	224.102		0	0	75.000	65.000	10.000	0	
1.1	Dự án cấp điện nông thôn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2013-2020	Gồm 5 huyện, tỉnh Bắc Giang	86 thôn, bản thuộc 5 huyện	2013-2020		964/QĐ-UBND, 04/7/2014	263.469	224.102				75.000	65.000	10.000			
VII	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP VÀ CỤM CÔNG NGHIỆP							181.873	170.000		0	0	129.548	115.000	1.980	0	
*	Hỗ trợ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp							120.225	120.000		0	0	82.000	82.000	1.980	0	
1	Các dự án hoàn thành trước giai đoạn 2016-2020												1.980	1.980	1.980		
1.1	Hạ tầng khu công nghiệp Đình Trám tỉnh Bắc Giang			2009-2010								1.980	1.980				
2	Các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020							120.225	120.000		0	0	80.020	80.020	0	0	
2.1	Trạm xử lý nước thải, hệ thống đường giao thông nội bộ khu phía Bắc KCN Song Khê -Nội Hoàng	Xã Song Khê, TP Bắc Giang	109,86 ha; Hạ tầng kỹ thuật cấp IV	2016-2019	8858/BKHĐT-QLKKT, 29/10/2015; 562/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	1996/QĐ-UBND, 30/10/2015	120.225	120.000				80.020	80.020				

STT	Danhs mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-BT	VB thẩm định vốn, QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	QĐ dự án ban đầu hoặc QĐ dự án điều chỉnh đã được giao kế hoạch		Quyết định dự án điều chỉnh			Dự kiến kế hoạch 5 năm 2016-2020				Ghi chú	
						Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW		Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước NSTW		Thanh toán nợ NDCB
*	Hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp															
1	Các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020															
1.1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Đại Lâm, xã Đại Lâm, huyện Lang Giang	Huyện Lang Giang	Hạ tầng kỹ thuật cấp IV, diện tích 18,2ha	2016-2020	8858/BKHĐT-QLKKT, 29/10/2015; 563/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	1997/QĐ-UBND, 30/10/2015	61.648	50.000				47.548	33.000		0	0
VIII	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG Y TẾ ĐỊA PHƯƠNG						182.225	108.000				103.875	55.525		0	0
1	Dự án chuyển tiếp sung giai đoạn 2016-2020						117.750	53.525				83.675	35.525		0	0
1.1	Bệnh viện Nội tiết 100 giường tỉnh Bắc Giang	TP Bắc Giang	100G	2014-2018		QĐ 1100/QĐ-UBND ngày 29/7/2014	117.750	53.525				83.675	35.525			
2	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020						64.475	54.475				20.200	20.000		0	0
2.1	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh	TP Bắc Giang	Xây mới 01 khối nhà	2017-2021	147b/QĐND-THTT ngày 31/3/2016; 569/HĐND-TH, ngày 26/10/2016		64.475	54.475				20.200	20.000			
IX	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG CƠ SỞ TRỢ GIÚP XÃ HỘI						89.982	72.000				48.400	40.400		0	0
1	Dự án chuyển tiếp sung giai đoạn 2016-2020						89.982	72.000				48.400	40.400		0	0
1.1	Trung tâm chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần tỉnh Bắc Giang (giai đoạn 1)	TP Bắc Giang	Diện tích sàn 5.307 m ² và HMPT; đáp ứng 128 đối tượng	2014-2017		1660/QĐ-UBND, 30/10/2013	89.982	72.000				48.400	40.400			
X	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN VĂN HÓA						130.709	118.509				55.000	50.000		0	0
1	Các dự án chuyển tiếp sung giai đoạn 2016-2020						31.765	30.265				10.000	10.000		0	0
1	Dự án Tu bổ, tôn tạo chùa Quang Phúc	TP Bắc Giang	Tu bổ, tôn tạo	2013-2016		868/QĐ-UBND, 12/6/2013	31.765	30.265				10.000	10.000			
2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020						98.944	88.244				45.000	40.000		0	0



STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	VB thẩm định vốn, QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	QĐ dự án ban đầu hoặc QĐ dự án điều chỉnh đã được giao kế hoạch		Quyết định dự án điều chỉnh			Dự kiến kế hoạch 5 năm 2016-2020				Ghi chú	
						Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó		
														Thu hồi các khoản ứng trước NSTW		Thanh toán nợ XDCB
2.1	Bảo tồn, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử cấp quốc gia đặc biệt những diềm khởi nghĩa Yên Thế (giai đoạn I)	Các huyện Yên Thế, Tân Yên, Yên Dũng, Việt Yên	Đầu tư các hạng mục tại 05 diềm di tích trong diềm	2017-2021	2263/BC-BKHĐT, 30/3/2016; 916/BKHĐT-TH, 05/2/2016; 1732/QĐ-TTg, ngày 6/9/2016		98.944	88.244				45.000	40.000			
XI	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG DU LỊCH						170.055	169.855		80.200	68.000	153.050	60.000	0	0	
1	<i>Các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020</i>						170.055	169.855		80.200	68.000	153.050	60.000	0	0	
1.1	Hạ tầng khu du lịch sinh thái Suối Mỡ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang	Huyện Lục Nam	8,37km đường GT, cấp III	2016-2020	9086/BKHĐT-KTDV, 29/10/2016; 559/QĐ-UBND, 30/10/2015; 12/NQ-HĐND, 30/10/2015	1982/QĐ-UBND, 30/10/2015	90.055	89.855		80.200	68.000	81.050	40.000			Dự án chia 02 GD để thực hiện
2.2	Đường và hạ tầng vào khu Thiên viện Trúc Lâm Phương Hoàng và Chùa Kem, xã Nham Sơn, huyện Yên Dũng	Huyện Yên Dũng	Cải tạo, nâng cấp 4,99km đường GT	2018-2022	9060/BKHĐT-KTDV, 29/10/2015; 558/QĐ-UBND, 30/10/2015; 13/NQ-HĐND, 30/10/2015	1983/QĐ-UBND, 30/10/2015	80.000	80.000				72.000	20.000			Dự án chia 02 GD để thực hiện
XII	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU CÔNG NGHỆ THÔNG TIN						59.614	59.614		0	0	40.510	20.000	0	0	
1	<i>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020</i>						59.614	59.614		0	0	40.510	20.000	0	0	
1.1	Nâng cấp trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Bắc Giang	TP Bắc Giang	Data center	2017-2020	9738/BKHĐT-KCHĐT, 30/10/2015; 916/BKHĐT-TH, 05/2/2016; 81/HĐND	447/QĐ-UBND, ngày 29/3/2016	45.011	36.000				40.510	20.000			Dự án chia 02 GD để thực hiện
XIII	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU Y TẾ - DÂN SỐ						32.975	32.975		0	0	6.500	6.500	0	776	
1	<i>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020</i>						32.975	32.975		0	0	6.500	6.500	0	776	
1.1	Dự án tăng cường năng lực hệ thống kiểm nghiệm chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm	TP Bắc Giang	Cải tạo, nâng cấp	2010-2016		1334/QĐ-UBND, 10/8/2010	19.529	19.529				5.724	5.724			
1.2	Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh	TP Bắc Giang	Cải tạo, nâng cấp	2010-2016		1686/QĐ-UBND, 11/9/2015	13.446	13.446				776	776		776	
XIV	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP - VIỆC LÀM VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG						117.419	99.000		117.419	99.000	67.500	67.500	0	0	
1	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020</i>						117.419	99.000		117.419	99.000	67.500	67.500	0	0	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	VB thẩm định vốn, QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	QĐ dự án ban đầu hoặc QĐ dự án điều chỉnh đã được giao kế hoạch			Quyết định dự án điều chỉnh			Dự kiến kế hoạch 5 năm 2016-2020				Ghi chú
						Số QĐ, ngày, tháng, năm: ban hành	TMDT		Số QĐ, ngày, tháng, năm: ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		
														Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	
1.1	Xây dựng Khoa dân tộc nội trú Trường Cao đẳng nghề Công nghệ Việt - Hàn Bắc Giang	TP Bắc Giang	Nhà giảng đường số 2; KTX số 2 và TTB	2016-2020	1823/BC-BKHĐT, 18/3/2016; 179/QĐ-UBND, 30/3/2016, 145/HĐND-THTT, 29/3/2016	474/QĐ-UBND, 31/3/2016	62.000	54.000	1086/QĐ-UBND, 13/7/2016	62.000	54.000	45.000	45.000			
1.2	Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Bắc Giang	TP Bắc Giang	Cải tạo, nâng cấp; công trình dân dụng cấp III	2016-2020	3220/BKHĐT-LĐVX, 29/4/2016; 14/NQ-HĐND, 30/10/2015	1984/QĐ-UBND, 30/10/2015	55.419	45.000	449/QĐ-UBND, 29/3/2016; 824/QĐ-UBND, 03/6/2016	55.419	45.000	22.500	22.500			